

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2020/KDTM-ST**

Ngày : 18-9-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Bách Tùng

2. Ông Nguyễn Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mỹ Thương – Thư ký tòa án nhân dân quận Sơn Trà TP Đà Nẵng.

- Đại diện VKS nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2020/TLST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại & Dịch vụ B(sau đây gọi tắt là Công ty B). Địa chỉ: Số 32 T, phường A, quận S, TP.Đà Nẵng. Người đại

diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T. Sinh năm : 1983 – Chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Xây dựng C (sau đây gọi tắt là Công ty C). Địa chỉ: 114 N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Châu Ngọc V. Sinh năm : 1984 – Chức vụ: Giám Đốc. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Châu Ngọc V, sinh năm: 1984. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện tại: Tổ 73, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện Công ty B ông Nguyễn Đức T trình bày:

Công ty B và Công ty C đã ký hợp đồng số: 09/HĐKT - 2017 ngày 02/04/2017 và Hợp đồng số: 04/HĐKT – 2018 ngày 01/01/2018 về việc mua bán sắt, thép xây dựng các loại. Về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận, giá cả, phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán hai bên đã thống nhất theo các hợp đồng và các biên bản giao nhận hàng hóa, xác nhận đơn hàng, biên bản xác nhận công nợ và cam kết thanh toán đã được hai bên ký xác nhận.

Thực hiện hợp đồng trên, theo yêu cầu của bên mua vào các ngày 06/05/2017; 10/05/2017; 19/05/2017; 10/07/2017; 12/07/2017; 24/05/2018 Công ty chúng tôi đã thực hiện việc giao hàng cho Công ty C số lượng hàng có tổng giá trị thành tiền: 579.082.065 đồng với hạn thanh toán có xác nhận trong đơn hàng tại biên bản giao nhận và đối chiếu công nợ cam kết thanh toán đã được Công ty C xác nhận. Trên tinh thần hợp tác, Công ty chúng tôi đã nhiều lần có văn bản yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền trên cho Công ty chúng tôi nhưng đến nay Công ty C chỉ thanh toán cho Công ty chúng tôi 240.000.000 đồng. Số tiền hàng hóa Công ty C còn phải trả cho Công ty chúng tôi là 339.082.065 đồng. Việc chậm thanh toán hoặc cố tình không thanh toán của Công ty C trong quá trình thực hiện hợp đồng đã vi phạm điều khoản thanh toán của hợp đồng, biên bản xác nhận và cam kết thanh toán hai bên đã ký kết và gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động kinh doanh của

Công ty chúng tôi. Sau khi nhận hết tiền công trình, Công ty C không thực hiện cam kết trả nợ. Việc này đã làm tổn thất kinh tế và uy tín xây dựng lâu dài của Công ty B với các đối tác khiến Công ty chúng tôi gánh 1 khoản nợ và chịu lãi phạt hằng tháng từ các nhà cung cấp cung cấp là 1,5%/ tháng gánh chịu gần 2 năm làm cho kinh tế công ty chúng tôi càng ngày càng điêu đứng trước nguy cơ phá sản.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của mình, Công ty B căn cứ vào đối chiếu công nợ và cam kết thanh toán số 10/ĐCCN 26/10/2018 giữa Công ty B và Công ty C khởi kiện yêu cầu tòa án buộc Công ty C phải trả số tiền: 591.164.199đ(trong đó: nợ gốc: 456.268.256đ, nợ lãi tạm tính đến 31/5/2020 là 134.895.943đ). Tại phiên tòa hôm nay, Công ty B thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 13/8/2018 buộc Công ty C phải trả số tiền gốc : 435.098.256đ và tiền lãi tính theo lãi suất 1,25%/ tháng và chỉ yêu cầu tính đến ngày 01/9/2020 là : 133.683.939đ. Tổng số tiền yêu cầu Công ty C phải trả là: 568.782.195đ.

Đối với bị đơn Công ty C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Châu Ngọc V Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt các văn bản triệu tập để họ tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa, tuy nhiên đại diện theo pháp luật của Công ty C và ông Châu Ngọc V vẫn vắng mặt không có lý do, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của họ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành triệu

tập của Tòa án, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty B đối với Công ty C về việc thanh toán nợ đối với số tiền gốc : 435.098.256đ và tiền lãi chỉ tính đến ngày 01/9/2020 là: 133.683.939đ. Tổng số tiền yêu cầu Công ty C phải trả là: 568.782.195đ là có căn cứ vì giữa Công ty B và Công ty C đã có xác nhận công nợ ngày 13/8/2018, yêu cầu về tính lãi là phù hợp với án lệ số 09/2016 ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất 3 ngân hàng tại địa phương để tính lãi do chậm thanh toán. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ điều 50, điều 306 Luật thương mại năm 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty C phải trả cho Công ty B số tiền: 568.782.195đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về phần thủ tục:** Đơn khởi kiện của Công ty B yêu cầu Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng giải quyết tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” với Công ty C là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm b Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Ngọc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty C và ông Châu Ngọc V vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Công ty C, ông Châu Ngọc V.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty B và Công ty C đã ký hợp đồng số: 09/HĐKT - 2017 ngày 02/04/2017 và Hợp đồng số: 04/HĐKT – 2018 ngày 01/01/2018 về việc mua bán sắt, thép xây dựng các loại. Về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận, giá cả, phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán hai bên đã thống nhất theo các hợp đồng nêu trên.

Thực hiện hợp đồng, theo yêu cầu của bên mua vào các ngày 06/05/2017; 10/05/2017; 19/05/2017; 10/07/2017; 12/07/2017; 24/05/2018 Công ty B đã thực hiện việc giao hàng cho Công ty C số lượng hàng có tổng giá trị : 579.082.065 đồng, Công ty C đã thanh toán được số tiền 240.000.000đ và còn nợ lại số tiền hàng là 339.082.065đ. Tại các hợp đồng nêu trên không xác định lãi suất do chậm thanh toán tiền hàng nên tại các biên bản xác nhận công nợ và cam kết thanh toán, Công ty C xác nhận số tiền hàng và số tiền lãi phải trả cho Công ty B. Công ty B cũng đã nhiều lần yêu cầu Công ty C trả nợ nhưng Công ty C không thực hiện. Do đó, Công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Công ty C phải trả cho Công ty B số tiền 591.164.199đ(trong đó: nợ gốc: 456.268.256đ, nợ lãi tạm tính đến 31/5/2020 là 134.895.943đ). Tại phiên tòa hôm nay, Công ty B thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 13/8/2018 buộc Công ty TNHH Xây Dựng C phải trả số tiền gốc : 435.098.256đ và tiền lãi là : 133.683.939đ. Tổng số tiền yêu cầu Công ty C phải trả là: 568.782.195đ

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy : Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty B thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét hợp đồng kinh tế số: 09-2017/HĐKT ngày 02/04/2017 và Hợp đồng kinh tế số 04-2018/HĐKT ngày 01/01/2018 được Công ty B và Công ty C thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc gì, hợp đồng được lập thành văn bản theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại với nội dung Công ty B bán sắt thép xây dựng các loại trong nước sản xuất, theo tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam 1650, 51-85 và theo các tiêu chuẩn được nhà sản xuất công bố. Do đó, khi các bên xảy ra tranh chấp thì các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B đã bán hàng cho Công ty C với tổng tiền hàng là 579.082.065đ, Công ty C đã trả được 240.000.000đ và giữa hai bên đã nhiều lần thực hiện việc đối chiếu công nợ vào các ngày 31/3/2018, 17/5/2018, 31/5/2018, 25/6/2018, 16/7/2018, 13/8/2018, 26/10/2018 qua đó xác định được đến ngày 26/10/2018 Công ty C còn nợ Công ty

B số tiền : 456.268.256đ. Tuy nhiên, do biên bản xác nhận công nợ ngày 26/10/2018 là của cá nhân ông Châu Ngọc V xác nhận nợ không có đóng dấu của Công ty C nên không thể căn cứ để xác định nghĩa vụ thanh toán của Công ty C đối với Công ty B nên Công ty B yêu cầu Tòa án căn cứ biên bản xác nhận công nợ và cam kết thanh toán ngày 13/8/2018 để yêu cầu Tòa án buộc Công ty C phải trả cho Công ty B số tiền 568.782.195đ. HĐXX nhận thấy mặc dù cả hai hợp đồng kinh tế nói trên đều không xác định về thời gian thanh toán tiền nhưng tại biên bản xác nhận công nợ ngày 13/8/2018 đã xác định thời gian thanh toán là ngày 16/8/2018 nhưng Công ty C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thể hiện sự chây ỳ, thiếu trách nhiệm, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại nên cần buộc Công ty TNHH Xây dựng C phải trả số tiền gốc là : 435.098.256đ là đúng.

Về yêu cầu tính lãi, Công ty B yêu cầu Tòa án buộc Công ty C phải trả số tiền lãi là : 133.683.939đ. Hội đồng xét xử căn cứ nội dung án lệ số 09/2016 ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất 3 ngân hàng tại địa phương để tính lãi do chậm thanh toán, căn cứ điều 306 Luật thương mại quy định về quyền yêu cầu tính lãi khi chậm thực hiện việc thanh toán, căn cứ các công văn số 587/CV-ĐAN.KT ngày 14/8/2020 của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng; công văn số 149/CV-CNĐN-TH ngày 14/8/2020 của ngân hàng Công thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng; công văn số 559/NHNoĐN-PC ngày 18/8/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng xác định được lãi suất quá hạn trung bình đối với khoản vay ngắn hạn của 03 ngân hàng tại thời điểm xét xử là 15.15%/năm tương đương 1.26%/ tháng. Do đó, việc Công ty B tính lãi suất do chậm thanh toán với lãi suất 1.25%/tháng và chỉ tính lãi đến ngày 01/9/2020 thành 133.683.939đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Như vậy, buộc Công ty C phải trả cho Công ty B số tiền gốc và lãi là : 568.782.195đ

[4] Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có tự khai trong hồ sơ vụ án để thể

hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo mức án phí có giá ngạch của số tiền 568.782.195đ tương đương mức án phí là: 26.751.287đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 50, điều 306 Luật thương mại 2005;
- Căn cứ án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ B đối với Công ty TNHH Xây dựng C về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Xử: Buộc Công ty TNHH Xây dựng C phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ B số tiền 568.782.195đ (trong đó tiền gốc: 435.098.256đ và tiền lãi là: 133.683.939đ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí KDTM: 26.751.287đồng Công ty TNHH Xây dựng C phải chịu.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ B số tiền tạm ứng án phí là 13.823.284 đồng theo biên lai thu số 0006011 ngày 29/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thị Mỹ Dung

